

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN 36**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN 36

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 36 REAL ESTATE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 36 REAL ESTATE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109461538

**3. Ngày thành lập:** 17/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 141 Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944799783

Fax:

Email: [dautubds36@gmail.com](mailto:dautubds36@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. | 6810(Chính) |
| 2.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                 | 5210        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                    | 5221        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                   | 5222        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không                                                                   | 5223        |
| 6.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                            | 5224        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                     | 5225        |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                         | 5229        |
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                           | 4101        |
| 10. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                     | 4102        |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                               | 4211        |
| 12. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                | 4212        |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                                                    | 4221        |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                         | 4222        |
| 15. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                          | 4223        |
| 16. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                           | 4229        |
| 17. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                    | 4291        |
| 18. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                       | 4293        |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                  | 4299        |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                      | 4311        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                           | 4312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                    | 4321 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                    | 4322 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                           | 4329 |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                           | 4330 |
| 26. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                      | 4390 |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                  | 4663 |
| 28. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                        | 3600 |
| 29. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                            | 3700 |
| 30. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                           | 7010 |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                           | 7410 |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                | 5510 |
| 33. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                       | 5590 |
| 34. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                         | 5610 |
| 35. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                     | 5629 |
| 36. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                  | 5630 |
| 37. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Quản lý bất động sản. | 6820 |

**6. Vốn điều lệ:** 600.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 60.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TỔNG CÔNG TY 36-CTCP | Số 141 Hồ Đắc Di, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông         | 18.000.000 | 180.000.000.000       | 30,000    | 0105454762                                                                                  |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số                   | 18.000.000 | 180.000.000.000       | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐĂNG GIÁP     | Số 92 Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     | 040054000328                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số                   | 12.000.000 | 120.000.000.000       | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      | Cổ phần phổ thông         | 12.000.000 | 120.000.000.000       | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                  |                           |            |                 |        |              |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN VĂN HIỀN   | Lô Số 1 Khu B, đường Nguyễn Tuân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 12.000.000 | 120.000.000.000 | 20,000 | 040065000046 |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số                   | 12.000.000 | 120.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |                   |                                                                                                  |                           |            |                 |        |              |
| 4 | NGUYỄN THỊ THU HÀ | Số 92 Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 6.000.000  | 60.000.000.000  | 10,000 | 040191000292 |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số                   | 6.000.000  | 60.000.000.000  | 10,000 |              |
|   |                   |                                                                                                  |                           |            |                 |        |              |
| 5 | NGUYỄN ĐĂNG HÙNG  | Số 88, Tổ 33 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 12.000.000 | 120.000.000.000 | 20,000 | 012570620    |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0               | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                  | Tổng số                   | 12.000.000 | 120.000.000.000 | 20,000 |              |
|   |                   |                                                                                                  |                           |            |                 |        |              |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/05/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012570620

Ngày cấp: 02/03/2007 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 88, Tổ 33 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 88, Tổ 33 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội